

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 6 năm 2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

Bà Khưu Liên Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thế Dung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị T, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc D tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2019 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống và vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông D có một con chung tên Trần Ngọc B, sinh năm 2000. Hiện nay cháu B đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Ngọc D trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Lâm Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Ông nhận thấy giữa ông và bà T cũng đã không còn tình cảm gì với nhau. Nay bà T xin ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông D có 01 con chung tên Trần Ngọc B, sinh năm 2000. Hiện nay cháu B đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lâm Thị T và ông Trần Ngọc D là vợ chồng. Về con chung: Cháu Trần Ngọc B đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trần Ngọc D nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông D, hiện đang cư trú

tại phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thị T và ông Trần Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Vào năm 1998, bà Lâm Thị T và ông Trần Ngọc D tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà T và ông D thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên bà Thủy xin ly hôn và ông D đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bà T và ông D chung sống vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà Thủy và ông D mà tuyên bố không công nhận bà Lâm Thị T và ông Trần Ngọc D là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà T và ông D thống nhất xác định: Quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên Trần Ngọc B, sinh năm 2000. Hiện nay cháu B đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Lâm Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lâm Thị T và ông Trần Ngọc D là vợ chồng.

2/. Về con chung: Một con chung tên Trần Ngọc B, sinh năm 2000. Hiện nay cháu B đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/. Về án phí: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006864 ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bạc Liêu;
- THA TP Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Yến Nhi